

Bản án số: 65/2018/HS-PT

Ngày: 11-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Thor;

2. Bà Trần Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số: 51/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phùng Bá P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2018/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phùng Bá P, sinh năm 1993 tại Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: thợ hàn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Thanh N, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1973; có vợ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 và có 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại luật sư Dương Thị Kim L – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Lê Văn Đ là luật sư (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phùng Thanh N**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. Anh **Phùng Bá L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

3. Bà **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

4. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

5. Anh **Lê Thanh N**, sinh ngày 13/02/2002 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

6. Anh **Lê Thanh N1**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

7. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp A, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

8. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

9. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

10. Anh **Lê Phước T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

11. Anh **Đào Quang V**, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Ngoài ra bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhiều lần bị người khác phá hoại ruộng lúa nên sau khi gieo sạ lúa vụ đông xuân năm 2015, ông Phùng Thanh N cùng với các con là Phùng Bá P và Phùng Bá L mỗi người chuẩn bị sẵn 01 đoạn tre tầm vong để phòng thân khi đi canh ruộng. P canh giữ phía giáp nhà bà L, ông N và L canh giữ phía trên. Đến khoảng 03 giờ, ngày 23/11/2015, Phùng Bá P phát hiện có người lội xuống ruộng, P rọi đèn pin và phát hiện bà Nguyễn Thị L đang cầm trên tay một cái thau bằng nhựa, P cho rằng bà L đã rải thuốc cỏ xuống ruộng mình nên lội xuống ruộng đuổi theo bà L. Đuổi được khoảng 12 đến 13 mét thì bắt kịp lúc này bà L đang còn ở dưới ruộng và la lên “Hoi cứu em”, đồng thời bà sử dụng thau nhựa đánh lên đầu P làm cạnh thau trúng vào đầu của P nhưng không gây thương tích. P sử dụng đoạn tre tầm vong đã chuẩn bị sẵn

đánh nhiều cái về phía bà L, cả hai xô xát nhau. Khi nghe tiếng của bà L kêu cứu, ông N và anh L vừa chạy vừa rọi đèn pin về phía bà L. Lộc thấy P và bà L đang xô xát nhau, khi chạy đến nơi thì L bỏ đoạn tre xuống và dùng tay nắm áo giật bà L xuống mặt ruộng rồi không chế bắt bà L. Sau đó, L sử dụng dây trói bà L và cột vào cây tre cắm dưới ruộng tại khu vực L bắt giữ được bà L, còn ông N đứng gần đó truy hô về việc đã bắt được quả tang bà L phá hoại ruộng lúa, đồng thời báo Công an xã M đến xử lý. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/11/2015, bà L được đưa đến bệnh viện Đa khoa khu vực C để điều trị.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 636/CN-BV ngày 07/12/2015 của Bệnh viện Đa khoa khu vực C xác định tình trạng của bà Nguyễn Thị L lúc vào viện như sau: Vết bầm hạ sườn phải, đau nhiều; Vết thương đuôi mắt phải 05cm; Vết bầm cổ tay trái; Vết thương khuỷu trái 0,5cm; X quang cẳng tay trái: hình ảnh mảnh xương mỏm khuỷu.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 33/2016/TgT ngày 22/12/2015 và kết luận số 149/2017/TgT ngày 25/4/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang đều xác định tổn thương cơ thể do thương tích dây ra nên hiện tại của bà Nguyễn Thị L là 21%.

Ngày 21/4/2016, Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang có văn bản số 41/CV-TTPY phân tích giám định số 33/2016 ngày 22/12/2015 đối với bà Nguyễn Thị L, kết quả xác định: Sẹo vết thương đuôi mắt phải tỷ lệ 07%; Sẹo mổ trùng với sẹo vết thương mặt sau khuỷu tay trái, thấu khớp khuỷu trái, hiện tại đã được khâu bao khớp. Hình ảnh mảnh xương mỏm khuỷu, tỷ lệ 15%.

Ngày 25/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C trưng cầu giám định đối với đoạn tầm vong do Phùng Bá P giao nộp, kết quả giám định pháp y về thương tích bổ sung số 149/2017/TgT ngày 25/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang, xác định: các tổn thương ở bản kết luận số 33/2016 giám định ngày 22/12/2015 có khả năng phù hợp mẫu vật giám định gây nên.

Vật chứng của vụ án là 01 đoạn tầm vong còn tươi chiều dài 76cm, đường kính đầu lớn 3,3cm, đường kính đầu nhỏ 03cm do Phùng Bá P trực tiếp giao nộp cho Cơ quan điều tra vào ngày 23/11/2015. Ngày 21/10/2016, Phùng Bá L đem đến Cơ quan điều tra giao nộp đoạn tầm vong mà L sử dụng làm công cụ để tròng giữ ruộng lúa. Riêng đoạn tầm vong mà Phùng Thanh N sử dụng, đoạn dây, và khúc cây Phùng Bá L sử dụng trói và cột bà Nguyễn Thị L đã bị thất lạc. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với cái thau nhựa mà bà Nguyễn Thị L sử dụng để đánh Phùng Bá P đã được Cơ quan điều tra thu giữ và trưng cầu giám định có hay không chất diệt cỏ trong thau, Cơ quan giám định đã tiêu hủy sau khi giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Phùng Bá P cùng với Phùng Thanh N, Phùng Bá L, Lê Thanh N, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Văn D và Lê Thanh N1 cùng bồi thường cho bà số tiền điều trị thương tích là 121.501.429 đồng, gồm các khoản:

- Tiền thuốc từ ngày 23/11/2015 đến ngày 10/02/2017 là 7.001.429 đồng;

- Thời gian nằm viện từ ngày 23/11/2015 đến ngày 07/12/2015 là 3.000.000 đồng;
- Thời gian băng bột, vật lý trị liệu từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2016 là 18.000.000 đồng;
- Chi phí người chăm sóc từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2016 là 16.000.000 đồng;
- Chi phí thuê xe đi khám bệnh và tái khám là 3.000.000 đồng;
- Chi phí thuê xe tập vật lý trị liệu là 2.000.000 đồng;
- Chi phí thuê xe đưa con đi làm từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2016 là 12.000.000 đồng;
- Tổn thất tinh thần mức 50 tháng lương cơ sở là 60.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn yêu cầu những người này phải bồi thường cho bà 2.900.000 đồng thiệt hại về tài sản gồm: cửa kiềng, bóng đèn, cửa rào, cái xẻng đào đất và yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 12.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu các cá nhân, tổ chức có liên quan như: Báo tuổi trẻ và đời sống, Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Lao động, Báo Thanh tra, Báo Tuổi trẻ, Báo Giao thông, Báo Tin tức miền tây, Đài phát thanh huyện C, bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bà tổng số tiền là 54.450.000 đồng. Xét thấy đây là quan hệ tranh chấp dân sự, không có liên quan đến việc bồi thường trong vụ án này nên tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2018/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Bá P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử: Phạt bị cáo Phùng Bá P 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 468, Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phùng Bá P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền tổng cộng là 16.123.298 đồng, bồi thường ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một đoạn tầm vong chiều dài 76cm, đường kính đầu

lớn 3,3cm, đường kính đầu nhỏ 03cm và một đoạn tâm vong chiều dài 72cm, đường kính đầu lớn 03cm, đường kính đầu nhỏ 2,2cm.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Bá P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 806.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 13/4/2018, bị cáo Phùng Bá P có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 17/4/2018, bị hại Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với bị cáo Phùng Bá P; xử lý hình sự đối với hành vi bắt giữ người trái pháp luật của bị cáo cùng với các đồng phạm có liên quan. Cần thiết trả hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra bổ sung; về trách nhiệm dân sự: yêu cầu bồi thường số tiền là 76.971.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

Về hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo có thêm hai tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bồi thường một phần TNDS cho bị hại được quy định tại điểm b, s Điều 51 BLHS và được bị hại xin giảm một phần hình phạt. Tuy nhiên với mức án 02 năm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, tương xứng hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại cụ thể là từ 16.123.298 đồng lên 60.623.298 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên yêu cầu này là không có căn cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến các luật sư:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: thống nhất quan điểm của đại diện VKS về tội danh và điều luật truy tố. Ngoài hai tình tiết giảm nhẹ mới như đại diện VKS đã đề nghị còn bổ sung thêm tình tiết gia đình có nhiều người thân có công với đất nước được tặng thưởng huân, huy chương, mẹ Việt Nam anh hùng. Phạm tội trong trường hợp có lỗi của bị hại. Bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Phân tích bị cáo thỏa mãn đầy đủ các điều kiện cho thưởng án treo theo quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 xử dưới khung hình phạt với mức án 9 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Về TNDS thống nhất với đề nghị của đại diện VKS giữ y như án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Về nguyên tắc, khi xử lý vụ án hình sự không được suy diễn, cho đến giờ phút này không có căn cứ nào chứng minh bà L rải thuốc cỏ hủy hoại lúa của gia đình bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo cũng xác định chỉ nghi bà L rải thuốc cỏ nên bà L không có lỗi. Trong suốt thời gian dài kể từ khi vụ án xảy ra, bị hại phải mang tai tiếng vì bị xem với thân phận là một “bị cáo”, lại là phụ nữ chịu nhiều áp lực, xấu hổ với gia đình, người thân, lối xóm... Đối với vết thương ở khuỷu tay ảnh hưởng đến khả năng lao động vì phải cần thời gian trị liệu để phục hồi ít nhất là ba tháng nhưng chưa được xem xét. Về mức án, đồng ý người bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì có con nhỏ, lao động chính, nhưng không thể cho hưởng án treo vì sẽ không nghiêm, không phát huy giá trị răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận mức bồi thường mà bị hại đã nêu. Về mức giảm án do HĐXX quyết định.

Ý kiến khác:

Bị hại rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại cụ thể là từ 16.123.298 đồng lên 60.623.298 đồng và đồng ý xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời khai bị cáo và các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kêu oan chuyển sang xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên trong vụ án này, hồ sơ chứng cứ thể hiện lời khai bị cáo, các đương sự tại Cơ quan điều tra là mâu thuẫn nhau và trước sau không thống nhất. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo lại kêu oan không thừa nhận tội. Do đó việc đầu tiên của HĐXX là cần xác định rõ nội dung vụ án:

[1] Xác định những người có mặt tại hiện trường khi sự việc bắt đầu xảy ra: Theo đơn tố giác tội phạm (bl 01), bà L chỉ yêu cầu xử lý hành vi cố ý gây thương tích của bốn người là ông N, P, L và N; Theo khai nhận của ông N (bl 165, 167), khi ông nghe bà L kêu cứu thì cùng L chạy đến thấy P và cháu N chặn bà L lại; Theo lời khai của bị cáo P (bl 217) khi phát hiện bà L cầm thau xuống ruộng nhà, thì bị cáo vô nhà ông T kêu N cùng rình. Khi thấy bà L rải xong vật gì đó xuống ruộng quay về thì cả hai xông ra chặn bà L lại. Từ các lời khai trên HĐXX xác định, khi bắt đầu sự việc xô xát xảy ra chỉ có 4 người có mặt tại hiện trường theo thứ tự là P, N, L và ông N. Còn những người khác sau khi nghe tiếng la mới đến nên lúc này việc bà L bị đánh và bị bắt đã xảy ra.

[2] Xác định người gây thương tích cho bà L: Trong 4 người nói trên, chỉ có ông N, L và bị cáo P có chuẩn bị gây tâm vong; Theo khai nhận của bị cáo P (bl 217, 218), khi bà L dùng thau đánh trúng đầu bị cáo ba cái, bị cáo “có dùng cây tâm vong chuẩn bị sẵn đánh trúng vào người bà L thấy vết thương mí mắt ở bên phải

chảy máu”, và “ Lúc này cha tôi và L chạy đến, L đề bà L xuống ruộng để bà L không bỏ chạy”; Theo anh L khai nhận (bl 184) khi chạy đến chỉ dùng tay gạt trời bà L ngoài ra tôi không đánh bà L” và “thương tích trên người bà L do xô xác với anh tôi mà ra”; Theo khai nhận của ông N (bl 167) “thấy bà L đập vào đầu của P thì P có quơ cây làm trúng mí mắt trên của bà L” và “khi L cùng tôi chạy đến thì L chạy thẳng vào đề bà L xuống ruộng”. Từ các lời khai trên cho thấy bị cáo là người tiếp cận bà L đầu tiên, bị bà L sử dụng thau nhựa đập lên đầu và bị cáo đã sử dụng gậy tầm vong đánh lại sau đó phát hiện bà L bị thương tích, còn L không hề sử dụng cây đánh bà L. Do đó xác định người gây ra thương tích cho bà L là bị cáo P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2016 (bl 89), bà L xác định P và L gây thương tích cho bà là không có cơ sở bởi lẽ cũng tại chính biên bản lấy lời khai này, bà cho rằng bị P và L đánh, nhưng lại không mô tả được cụ thể hành vi đánh của từng bị cáo với lý do bị chói mắt không nhìn thấy là tự mâu thuẫn với chính mình, nên lời khai này là không có căn cứ. Mặt khác ngay tại đơn yêu cầu xử lý (bl 01) và biên bản lấy lời khai cách 4 ngày sau khi sự việc xảy ra (bl 87) bà đã xác định không biết ai gây thương tích cho bà. Cho thấy lời khai sau này vào ngày 18/10/2016, bà cho rằng P và L gây thương tích cho bà là do bà tự suy diễn ra nên lời khai này là không có căn cứ.

[3] Xác định thương tích của bà L: Tại biên bản lấy lời khai đầu tiên ngay sau khi sự việc xảy ra (bl 217), bị cáo P khai “khi bà L dùng thau đánh trúng đầu bị cáo ba cái, bị cáo “có dùng cây tầm vong chuẩn bị sẵn đánh trúng vào người bà L thấy vết thương mí mắt ở bên phải chảy máu”. Điều này phù hợp lời khai anh L (bl 184) và phù hợp lời khai ông N (bl 167) nên kết luận vết thương này do P gây ra. Ngoài ra tại các bút lục số 225, 226, 229 bị cáo xác định khi bị bà L dùng thau đánh nên cầm cây đánh lại hai đến ba cái có trúng khuỷu tay gây thương tích cho bà L. Lời khai này phù hợp với lời khai đầu tiên của bà H (bl 150) “thấy chảy máu ở dưới đuôi mắt phải, sưng ở khuỷu tay trái”. Phù hợp lời khai bà H2 (bl 156) “chảy máu ở đuôi mắt, và nghe bà L nói đau ở khuỷu tay”. Phù hợp lời khai bà H1 (bl 160) “chảy máu ở đuôi mắt phải, sưng bàn tay và L nói đau ở khuỷu tay”. Phù hợp lời khai bà T người đưa bà L đi bệnh viện (bl 211) “bị thương tích ở đuôi mắt phải và ở khuỷu tay trái cộng bầm ở bụng”. Phù hợp lời khai bác sĩ V (bl 213) vết thương ở khuỷu tay trái bà L là vết thương hở, vị trí vết thương nằm ngang”. Phù hợp lời khai lúc nhập viện (bl 289) thể hiện nhập viện lúc 10 giờ ngày 23/11/2015 khai 3 giờ sáng bị chồng đánh. Trong các vết thương có mô tả vết thương ở khuỷu tay trái. Từ những căn cứ trên kết luận hai vết thương ở đuôi mắt phải và khuỷu tay trái của bà L do bị cáo P gây ra. Theo kết quả giám định thì hai vết thương này có tỷ lệ thương tật là 21%.

[4] Xác định địa điểm xảy ra việc bà L bị đánh, bắt: Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 09/3/2017 theo mô tả của chính bà L, thì vị trí nơi bà bị trói cách ranh phía bắc 25m cách nhà bà 41,8m (bl 16). Xác định này phù hợp với biên bản hiện trường lập ngày 23/11/2015 (bl 05), ông N cũng xác định nơi trói bà L cách ranh phía bắc 25m và cách nhà bà L 41m (chênh lệch chỉ 0,8m). Bản ảnh chụp vị trí này vào ngày 23/11/2015 cũng thể hiện có nhiều dấu chân trên diện rộng kích thước (5 x 4,5)m. Do đó HĐXX kết luận vị trí nơi bà L bị trói cách ranh phía

bắt 25 m và cách nhà bà L 41m. Cũng theo xác định của bà L, sau khi bị đánh, bắt, cha con ông N đã khiêng bà ra giữa ruộng về phía đông cách khoảng 24,8m và trói vào cây cặm sẵn. Lời khai này phù hợp lời khai anh Lê Văn N (là người đã có mặt tại hiện trường) “thấy ông N, P, L bắt trói và kéo bà L ra giữa ruộng cột bà L lại” (bl 137). Do đó HĐXX kết luận vị trí nơi xảy ra xô xắc giữa bị cáo P và bà L cách nhà bà L 17m (41,8m – 24,8m) nằm trên phần ruộng ông N đang gieo sạ như bà L đã thừa nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 09/3/2017 (bl 16). Như vậy việc bà L cho rằng đi đặt lợp và bị đánh cách sau nhà bà 5m là không có căn cứ nên bác.

[5] Xác định lỗi của bà L: Theo khai nhận của ông N và bà L, trước khi sự việc đánh, bắt bà L xảy ra giữa hai bên đã có mâu thuẫn nguyên nhân do bà L cản trở ông N canh tác trên phần đất mà bà L đang còn tranh chấp với ông D chồng bà; Theo biên bản bắt người phạm tội quả tang (bl 282) thì người phạm tội quả tang là bà Nguyễn Thị L; hành vi phạm tội của bà L nêu trong biên bản là rải thuốc cỏ trên ruộng lúa ông N. Biên bản này có nhiều người làm chứng và được bà L ký tên xác nhận mà không có một lời phản đối nào; 4 ngày sau khi bị đánh gây thương tích và bị bắt trói hơn 01 giờ đồng hồ, bà L chỉ làm đơn yêu cầu xử lý hành vi gây thương tích của gia đình ông N mà không hề yêu cầu xử lý hành vi bắt trói bà. Điều này thể hiện bà mặt nhiên thừa nhận việc bà bị bắt, trói là do bà có lỗi. Ngoài ra, tại đơn kháng cáo ngày 17/4/2018 (bl 554) bà L cho rằng kết quả giám định trong thau nhựa không có thuốc diệt cỏ 4D nên không có căn cứ kết luận bà có lỗi. Điều này thể hiện bà mặt nhiên thừa nhận cái thau nhựa màu vàng bị thu giữ tại hiện trường có mùi thuốc cỏ là của bà; Địa điểm lúc bà L bị bắt, trói lại ngay trên phần ruộng của ông N cách nhà bà L đến 17m (theo như thừa nhận của bà). Từ các chi tiết trên kết luận vào khoảng 3 giờ khuya ngày 23/11/2015 bà Lãnh đã có hành vi lợi xuống ruộng ông N, rải vật lạ có mùi thuốc cỏ xuống ruộng của ông, trong khi trước đó chính bà đã có lời nói hành động ngăn cản đe dọa việc sử dụng đất của ông N. Trong điều kiện thời gian, địa điểm, mâu thuẫn và hành vi của bà L như vậy, tại thời điểm đó gia đình ông N hoàn toàn có căn cứ kết luận bà L đã có hành vi hủy hoại lúa của gia đình ông, và việc bà L bị đánh, bị bắt, trói chính là hậu quả của hành vi sai trái của bà. Do đó bà L chính là người có lỗi hoàn toàn, là nguyên nhân dẫn đến tội phạm xảy ra.

[6] Căn cứ kết tội: Từ các phân tích tại [1], [2], [3], [4], [5] Hội đồng xét xử kết luận khi gia đình ông N sạ lúa trên phần ruộng mua của ông D (chồng bà L đã ly hôn) thì bị bà L tranh cản không cho nên phát sinh mâu thuẫn giữa hai bên. Đến khi sạ lúa ông N, P, L tổ chức đi canh ruộng đề phòng bà L phá hoại. Khi đi canh ruộng gia đình ông có cầm theo gậy tầm vong để phòng thân và phân công P canh ở hướng tây (giáp nhà bà L) còn ông và L canh ở hướng đông cách nhau khoảng 30m. Đến khoảng 03 giờ ngày 23/11/2015 P phát hiện bà L cầm một thau nhựa màu vàng rải vật gì đó xuống ruộng nghi là chất diệt cỏ. P vào nhà anh T kêu anh N cùng chứng kiến sau đó khi bà L quay về thì P và N xông ra chặn bà L lại. Bà L dùng cái thau đập vào đầu P nên P dùng cây chuẩn bị sẵn đánh vào người bà L gây thương tích. Lúc này bà L có la lên “H ơi cứu em” thì ông N và L nghe thấy chạy tới. Ông N la

làng bắt được tại trận bà L phá lúa còn L từ phía sau xô bà L té xuống rồi cùng P, N đè trói bà L lại. Sau đó kéo bà L trở lại vị trí trước đó cặm cây trói bà L lại. Lúc này nghe tiếng la nhiều người đến trong đó chị H2 đến đầu tiên có phụ lau vết máu nơi mặt cho bà L. Sau đó công an đến lập biên bản. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo P cũng thừa nhận hành vi này. Về mặt ý thức, bị cáo thừa nhận biết đoạn cây tầm vong hoàn toàn có khả năng gây thương tích cho người khác. Nhất là bị hại lại là nữ. Nhưng vì bức xúc hành vi trái pháp luật của bà L mà bị cáo đã đánh liên tiếp vào bị hại hai đến ba cái như bị cáo đã khai, bất chấp hậu quả xảy ra. Việc bị cáo cho rằng chỉ muốn đánh vào tay bà L nhằm mục đích làm rớt thau nhựa là không có căn cứ bởi lẽ ngoài vết thương ở tay, bà L còn bị thương ở vùng mặt và bị cáo đánh vào người bà L không phải là một cái mà rất nhiều cái. Theo kết quả giám định thì tỷ lệ thương tích gây ra cho bà L là 21%. Hung khí gây ra là cây gây tầm vong được xác định là hung khí nguy hiểm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 23/11/2015 là trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực nên lẽ ra phải áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 để xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 7 BLHS năm 1999 mới đúng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì những qui định nào có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả hành vi phạm tội đã thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018. Xét theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức án cao nhất chỉ là 06 năm tù. Trong khi khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức án cao nhất đến 07 năm tù là bất lợi cho bị cáo. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích và áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo là chính xác.

[7] Xét về mức án:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như về nhân thân xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là quá nhẹ, bởi lẽ thời điểm này bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là phạm tội trong trường hợp có lỗi của bị hại. Tuy nhiên đến nay, sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan thi hành án 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại về dân sự cho bị hại như bản án đã tuyên; Ngay tại phiên tòa, bị cáo đã thấy rõ tội lỗi của mình và thừa nhận hành vi phạm tội. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại đồng ý xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự của công dân. Những tình tiết này chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm nên chấp nhận kháng cáo xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Xét về TNDS: Xét tiền thuốc và chi phí điều trị 6.123.298 đồng có hóa đơn chứng từ hợp lệ nên chấp nhận; Tiền xe đi viện điều trị, do bà L khai nằm lại bệnh viện và đi lại bằng xe ôm nên chỉ tính hai lượt đi về cộng tái khám là 4 lượt

mỗi lượt 50.000 đồng là phù hợp nên bốn lượt là 200.000 đồng. Cộng thêm người nuôi bệnh thành tiền là 400.000 đồng (200.000 đ x 2 người); Thu nhập bị mất do nằm viện trong 15 ngày, mỗi ngày là 150.000 đồng là phù hợp. Thành tiền là 2.250.000 đồng. Cộng thêm người nuôi bệnh thành tiền là 4.500.000 đồng (2.250.000 đ x 2 người); Về tiền ăn, xét bình thường mỗi người không bệnh cũng phải ăn nên chỉ chấp nhận tiền ăn bồi dưỡng thêm cho người bệnh là 1.500.000 đồng; Tiền mất thu nhập trong thời gian sau phẫu thuật. Xét bà L là lao động tự do tại nhà thu nhập không ổn định nên lấy mức trung bình cho mỗi tháng là 15 ngày. Thành tiền là 2.250.000 đ/tháng (150.000 đ x 15 ngày). Thời gian trị liệu 03 tháng là 6.750.000 đồng (2.250.000 đ x 3). Tiền tổn thất tinh thần 5 tháng là 6.950.000 đồng. Tổng cộng là 26.223.298 đồng.

[9] Xét ý kiến các luật sư:

- Xét ý kiến Luật sư bào chữa cho bị cáo và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chỉ có căn cứ một phần như đã phân tích ở trên.

[10] Xét hành vi bắt giữ bà L trong khi bà đang có hành vi rải vật lạ có mùi thuốc cỏ xuống ruộng đang có tranh chấp của cha con ông N là nhằm bắt người có hành vi phạm tội quả tang để giao công an xử lý nên không phải là hành vi phạm tội.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, HĐXX đã có cân nhắc xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phùng Bá P và bị hại bà Nguyễn Thị L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên bố bị cáo Phùng Bá P phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

- **Xử:** Phạt bị cáo Phùng Bá P **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt vào trại thụ hình.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 609 BLDS năm 2005. Buộc bị cáo P bồi thường cho bà Nguyễn Thị L 26.223.298 đồng, được trừ vào 10.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang theo biên lai số 006887 ngày 11/6/2018. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 16.223.298 đồng. Thời

hạn bồi thường ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi xuất quy định tại Điều 357 BLDS.

- Bà L được nhận 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 006887 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

- Bị cáo phải nộp 1.311.164 đồng án phí dân sự.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân